TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2025/DS-ST
Ngày: 23/9/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông **Trần Ngọc Bích**

Ông **Nguyễn Tấn Triều**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Ngọc Huyền** – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Thị Nhu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2025/TLST-DS ngày 18/02/2025 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 801/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân Hàng TMCP L** (Tên gọi cũ Ngân hàng TMCP B1).

Địa chỉ trụ sở chính: LPB T, đường T, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Dương Thiện P, sinh năm: 1998.

Địa chỉ liên lạc: Số F, đường L, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: 1.Ông **Phạm Minh T**, sinh năm: 1989 (Vắng mặt);

2. Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số E, đường D, khu dân cư T, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2024 và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L trình bày:

Vào năm 2020, ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H vay tiền của Ngân hàng TMCP B1 (Nay là Ngân hàng TMCP L) theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số HĐTD63B202082 ngày 29/12/2020, số tiền vay 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) theo phương thức cho vay từng lần; Mục đích vay: Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng bất động sản; Thời hạn vay 240 tháng; Kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/lần (Vào ngày 25 dương lịch hàng tháng); Lãi suất cho vay: 7,9%/năm (Được áp dụng tại thời điểm giải ngân, sau đó được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà Hằng số tiền vay 2.600.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 63B202082/01 ngày 29/12/2020.

- Hợp đồng tín dụng số HDTD63B202308 ngày 02/02/2023, hạn mức thấu chi 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Lãi suất cho vay: Áp dụng theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng (Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 16%/năm), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm.

Ngoài ra, Ngân hàng còn cấp Thẻ tín dụng quốc tế cho ông Phạm Minh T với hạn mức 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/12/2020.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 757, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (Nay là khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 732103 (Số vào số CH03016) do UBND quận Ô, thành phố Cần Thơ cấp ngày 16/12/2013 cho bà Trần Thị Bé B, được điều chỉnh sang tên ông Phạm Minh T ngày 25/12/2020 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2020/HĐTC/CNCanTho/PGDHL ngày 29/12/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H trả cho Ngân hàng số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, tạm tính đến ngày 08/10/2024 là: **2.633.953.267 đồng** (Bao gồm: Nợ gốc: 2.342.059.089 đồng, lãi trong hạn: 250.235.821 đồng, lãi quá hạn: 232.037.589 đồng, lãi chậm trả lãi: 9.620.768 đồng) và tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ với mức lãi suất theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp ông T và bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ thì yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông T và bà H để Ngân hàng thu hồi nợ.

- *Tại bản tự khai ngày 29/8/2025, bị đơn ông Phạm Minh T trình bày:* Ông thừa nhận ông và bà H có vay tiền của Ngân hàng TMCP B1 (Nay là Ngân hàng TMCP L) như Ngân hàng đã trình bày. Ông thống nhất giao tài sản đảm bảo cho Ngân hàng để trả toàn bộ số tiền đang vay tại Ngân hàng. Đồng thời, ông đề nghị Ngân hàng hỗ trợ miễn, giảm phần lãi quá hạn đã phát sinh cho ông bà.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H* đã được tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không có ý kiến phản hồi và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu khởi kiện như đã trình bày. Tính đến hết ngày 22/9/2025, số tiền ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H còn nợ Ngân hàng là 3.192.771.813 đồng (Ba tỷ một trăm chín mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm mười ba đồng), cụ thể theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HĐTD63B202082 ngày 29/12/2020:

Nợ gốc: 2.220.754.846 đồng;

Lãi trong hạn: 516.303.128 đồng;

Lãi quá hạn: 41.035.868 đồng;

Lãi chậm trả lãi: 45.195.911 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số HDTD63B202308 ngày 02/02/2023:

Nợ gốc: 100.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 49.041 đồng;

Lãi quá hạn: 41.488.767 đồng;

Lãi chậm trả lãi: 7.578 đồng.

+ Thẻ tín dụng:

Nợ gốc: 111.307.253 đồng;

Lãi trong hạn: 35.745.952 đồng;

Lãi quá hạn: 80.883.469 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên việc Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tín dụng tạm tính đến hết ngày 22/9/2025 là 3.192.771.813 đồng (Ba tỷ một trăm chín mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm mười ba đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/9/2025 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của bị đơn để thu hồi nợ. Về án phí và chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Ngân hàng TMCP L (Tên gọi cũ Ngân hàng TMCP B1) khởi kiện yêu cầu buộc ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Nay là phường T, thành phố Cần Thơ) nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ) theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số HĐTD63B202082 ngày 29/12/2020, Hợp đồng tín dụng số HDTD63B202308 ngày 02/02/2023 và Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 29/12/2020, cùng các tài liệu liên quan đến việc giải ngân tiền vay (Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 63B202082/01 ngày 29/12/2020) đã thể hiện:

- Ngày 29/12/2020, Ngân hàng TMCP L cho ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 2.600.000.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm triệu đồng) theo phương thức cho vay từng lần; Mục đích vay: Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng bất động sản; Thời hạn vay 240 tháng; Kỳ hạn trả nợ: 01 tháng/lần (Vào ngày 25 dương lịch hàng tháng); Lãi suất cho vay: 7,9%/năm (Được áp dụng tại thời điểm giải ngân, sau đó được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm.

- Ngày 02/02/2023, Ngân hàng TMCP L cho ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo phương thức cho vay thấu chi; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng; Lãi suất cho vay: Áp dụng theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng (Tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 16%/năm), lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả: 10%/năm.

- Ngày 29/12/2020, Ngân hàng cấp Thẻ tín dụng quốc tế cho ông Phạm Minh T với hạn mức 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tính đến hết ngày 22/9/2025, ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H còn nợ Ngân hàng TMCP L số tiền là 3.192.771.813 đồng (Ba tỷ một trăm chín mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm mười ba đồng), cụ thể theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HĐTD63B202082 ngày 29/12/2020:

Nợ gốc: 2.220.754.846 đồng;

Lãi trong hạn: 516.303.128 đồng;

Lãi quá hạn: 41.035.868 đồng;

Lãi chậm trả lãi: 45.195.911 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số HDTD63B202308 ngày 02/02/2023:

Nợ gốc: 100.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 49.041 đồng;

Lãi quá hạn: 41.488.767 đồng;

Lãi chậm trả lãi: 7.578 đồng.

+ Thẻ tín dụng:

Nợ gốc: 111.307.253 đồng;

Lãi trong hạn: 35.745.952 đồng;

Lãi quá hạn: 80.883.469 đồng.

Ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng kể từ ngày 23/9/2025 với mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

[3.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của bị đơn để thu hồi nợ, nhận thấy:

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H đã thế chấp cho Ngân hàng TMCP L tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 757, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (Nay là khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 732103 (Số vào số CH03016) do UBND quận Ô, thành phố Cần Thơ cấp ngày 16/12/2013 cho bà Trần Thị Bé B, được điều chỉnh sang tên ông Phạm Minh T ngày 25/12/2020 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2020/HĐTC/CNCanTho/PGDHL ngày 29/12/2020. Hợp đồng thế chấp giữa ông Phạm Minh T, bà Nguyễn Thị Thu H và Ngân hàng TMCP L đã được công chứng và đăng ký thế chấp theo đúng quy định pháp luật.

Tại Điều 5 của hợp đồng thế chấp về xử lý tài sản thế chấp thể hiện nội dung Ngân hàng TMCP L được quyền xử lý tài sản thế chấp khi bên vay vi phạm hợp đồng. Thực tế, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp của bị đơn để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận.

[4] *Từ những phân tích nêu trên*, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên chấp nhận.

[5] *Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*: Là 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng), nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong, bị đơn có trách nhiệm

trả lại cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Điều 463, Điều 466, Điều 295, Điều 298, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP L (Tên gọi cũ Ngân hàng TMCP B1).

Buộc bị đơn ông Phạm Minh T và bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền nợ tín dụng tạm tính đến hết ngày 22/9/2025 là **3.192.771.813 đồng** (Ba tỷ một trăm chín mươi hai triệu bảy trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm mười ba đồng), cụ thể theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HĐTD63B202082 ngày 29/12/2020:

Nợ gốc: 2.220.754.846 đồng;

Lãi trong hạn: 516.303.128 đồng;

Lãi quá hạn: 41.035.868 đồng;

Lãi chậm trả lãi: 45.195.911 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số HDTD63B202308 ngày 02/02/2023:

Nợ gốc: 100.000.000 đồng;

Lãi trong hạn: 49.041 đồng;

Lãi quá hạn: 41.488.767 đồng;

Lãi chậm trả lãi: 7.578 đồng.

+ Thẻ tín dụng:

Nợ gốc: 111.307.253 đồng;

Lãi trong hạn: 35.745.952 đồng;

Lãi quá hạn: 80.883.469 đồng.

Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 23/9/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của bị đơn là quyền sử dụng thửa đất số 757, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ (Nay là khu vực T, phường T, thành phố Cần Thơ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 732103 (Số vào số CH03016) do UBND quận Ô, thành phố Cần Thơ cấp ngày 16/12/2013 cho bà Trần Thị Bé B, được điều chỉnh sang tên ông Phạm Minh T ngày 25/12/2020 để thu hồi nợ (Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 82/2020/HĐTC/CNCanTho/PGDHL ngày 29/12/2020).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 3.700.000 đồng (Ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

3. Về án phí: Bị đơn phải chịu 95.855.436 đồng (Chín mươi lăm triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi sáu đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 43.879.000 đồng (Bốn mươi ba triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000956 ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND TP . Cần Thơ;
-VKSND KV 1-Cần Thơ;
-PTHADS KV1-Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

Văng Thị Ngọc Yến